

SỰ GẶP GỠ GIỮA TƯ TƯỞNG CỦA CỤ PHÓ BẢNG  
NGUYỄN SINH HUY VÀ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI PHẬT GIÁO:  
TỪ NHÂN CÁCH VĂN HÓA ĐẾN SỰ NGHIỆP CÁCH MẠNG

Nguyễn Thị Việt Hà\*

**Tóm tắt:** Mặc dù cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy (tức Nguyễn Sinh Sắc) và con trai là Chủ tịch Hồ Chí Minh (tức Nguyễn Sinh Cung) chỉ cùng chung sống khoảng hai mươi một năm, nhưng trong hành trình cách mạng của mỗi người sau này lại có nhiều điểm chung với tư tưởng Phật giáo. Trên cơ sở khảo sát một số tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư liệu lịch sử về cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và các công trình nghiên cứu liên quan đến Phật giáo Việt Nam, bài viết phân tích những điểm tương đồng về tư tưởng của hai cha con đối với Phật giáo trên một số khía cạnh như: yêu thương con người, đề cao lao động; phát huy tư tưởng nhập thế của Phật giáo, tích cực hoạt động yêu nước thông qua con đường thuyết giảng đạo; chấn hưng Phật giáo theo tinh thần yêu nước, từ đó chỉ ra những đóng góp của Phật giáo trong việc hình thành nhân cách văn hóa và sự nghiệp cách mạng của hai cha con Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Phật giáo, tư tưởng, Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Abstract:** Although Secondary List Nguyen Sinh Huy (also known as Nguyen Sinh Sac) and his son, later President Ho Chi Minh (Nguyen Sinh Cung), lived together for only about twenty-one years, their later revolutionary trajectories revealed many affinities with Buddhist thought. Based on an examination of some works written by President Ho Chi Minh, historical documents concerning Nguyen Sinh Huy, and previous studies on Vietnamese Buddhism, this article analyzes the similarities in these men's perspectives on Buddhism in several aspects, including compassion for human beings and appreciation of labor; the promotion of the engaged-worldly spirit of Buddhists through their patriotic activities and religious preaching; and the revitalization of Buddhist patriotic spirit. The article thereby points out the significant contributions of Buddhism to the formation of the cultural personality and revolutionary careers of the father and son, Nguyen Sinh Huy and President Ho Chi Minh.

**Keywords:** Buddhism, religious thought, Secondary List Nguyen Sinh Huy, President Ho Chi Minh.

Ngày nhận bài: 29/1/2024; ngày phản biện: 29/1/2026; ngày duyệt đăng: 09/3/2026.

---

\* Trường Đại học Sài Gòn. Email: ntvha@sgu.edu.vn.

## MỞ ĐẦU

Trong nghiên cứu về thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều công trình đã tập trung làm rõ ảnh hưởng của gia đình, quê hương, văn hóa truyền thống cũng như các dòng tư tưởng lớn như Nho giáo, Phật giáo, Kitô giáo và chủ nghĩa Mác - Lênin. Tuy nhiên, đến nay hầu như chưa có công trình nào khảo cứu một cách hệ thống về điểm tương đồng tư tưởng giữa cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Phật giáo. Xuất phát từ khoảng trống đó, bài viết này hướng đến mục tiêu làm rõ những điểm gặp gỡ trong tư tưởng của hai cha con về Phật giáo, qua đó chỉ ra vai trò của Phật giáo trong việc hình thành nhân cách, hun đúc tinh thần yêu nước và gắn bó với dân tộc. Bài viết sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp tư liệu lịch sử, kết hợp so sánh và diễn giải để rút ra các luận điểm chính để trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu sau: (1) Những giá trị cốt lõi nào của Phật giáo được cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và Hồ Chí Minh cùng tiếp nhận? (2) Những điểm tương đồng ấy được thể hiện ra sao trong hành trạng, tư tưởng và hoạt động yêu nước của hai cha con? và (3) Ý nghĩa của sự tương đồng đó đối với việc nhận diện mối quan hệ giữa Phật giáo và tinh thần dân tộc trong lịch sử Việt Nam hiện đại?

## KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 1. Một số điểm tương đồng giữa tư tưởng của cụ Nguyễn Sinh Huy và Chủ tịch Hồ Chí Minh với giá trị nhân văn của Phật giáo

Trong *Kinh Tương Ưng* bộ ghi lại lời dạy của đức Phật tại vườn Lộc Uyển như sau: “Này các Tỳ - kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc của quần chúng, vì an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư thiên và loài người” (Thích Minh Châu dịch, 1991, tr. 235). Lời khuyên của đức Phật cho thấy hoài bão tha thiết của Ngài là giúp chúng sinh giải quyết khổ đau. Tương đồng với tư tưởng đó, Hồ Chí Minh lại có tình cảm đặc biệt với Phật giáo và Người đề cao các giá trị của Phật giáo thông qua nhân cách của đức Phật, cũng như đánh giá cao các giáo lý của đạo Phật với thái độ tôn trọng. Người chỉ rõ: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái. Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi. Khổng tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa” (Hồ Chí Minh, 2011c, tr. 95). “Phật Thích Ca là một người quý tộc. Ngài đã bỏ hết công danh phú quý để đi cứu vớt chúng sinh, tức là cứu vớt những người lao động nghèo khổ” (Viện Nghiên cứu tôn giáo, 1998, tr. 95).

Lòng yêu nước và thương đồng bào là điểm sáng trong cuộc đời và sự nghiệp hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã từng đau đớn khi thấy cảnh thực dân Pháp và Nam triều bắt dân phu đi làm con đường Phủ Diễn - Cửa Rào - Trấn Ninh ở quê Người, và kể lại rằng: “Dân phu phải đi bộ hàng trăm kilômét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mảy may vệ sinh; không có tổ chức y tế... Bệnh hoạn cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp...” (Hồ Chí Minh, 2011a, tr. 88).

Điểm giống triết lý “Vô ngã” của Phật giáo, đó là người cách mạng cũng sẵn sàng hy sinh thân mạng và lợi ích cá nhân để mọi người có được một cuộc sống, tương lai tốt đẹp hơn.

Cả cuộc đời Hồ Chí Minh chỉ có “một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr. 187). Người sống vì dân tộc, vì đồng bào, vì tổ quốc: “Một ngày mà tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr. 470). Trong bản *Di chúc* thiêng liêng, Người vẫn luôn đau đáu nghĩ đến hạnh phúc của nhân dân, trên hết là “công việc đối với con người”, trong đó có việc chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ, bảo vệ quyền của phụ nữ, quan tâm đến nông dân, đồng bào các dân tộc thiểu số. Đối với những ai lầm đường lạc lối, Người tỏ lòng nhân ái để khuyến khích họ trở về. Do đó, không chỉ là một nhà yêu nước và vị lãnh tụ giải phóng dân tộc với tinh thần bất khuất, Hồ Chí Minh còn là một con người mang tính nhân văn sâu sắc.

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy cũng là một tấm gương yêu nước, thương yêu con người, có ảnh hưởng trực tiếp và đầu tiên đến Hồ Chí Minh. Câu chuyện nổi tiếng về cụ Phó bảng là ngay sau khi đỗ Phó bảng trở về quê, cụ đã từ chối ngôi kiệu vinh quy, mà đi bộ cùng dân làng về quê ngoại; số tiền xã cắt cho làm cỗ ăn khao, cụ cũng đem chia cho người nghèo làm vốn sinh nhai; nếp sinh hoạt hằng ngày vẫn rất giản dị, vẫn cuốc đất làm vườn với các con và theo thói quen ở địa phương cả nhà đều nhịn ăn sáng. Trước khi vào Huế nhậm chức, cụ chỉ để lại một ít ruộng cho người con gái, còn lại cụ bán lấy tiền, giúp cho những người dân trong làng có người thân phải đi phu Cửa Rào. Cũng vì vốn không ưa bọn cường hào, ác bá tại địa phương, nên khi nghe dân chúng than oán, cụ đã ra lệnh đánh đòn tên cường hào Tạ Đức Quang. Sau vụ án này, ngày 19/5/1910, Hội đồng Hiệp chính triều đình Huế xử phạt cụ 100 trượng và cho “cải bổ kinh chức” về làm quan ở kinh đô nhưng cụ quyết định từ quan và bắt đầu hành trình xuôi phía Nam. Những hoạt động yêu nước hay tấm lòng nhân hậu, thương người của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy đã để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng người dân nơi những vùng đất mà cụ đã đi qua.

Từ năm 1910, hai cha con cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và Hồ Chí Minh bắt đầu những bước ngoặt mới trong cuộc đời của mình và đều hoạt động không ngừng nghỉ vì nhân dân, vì đất nước. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ người thanh niên một mình ra đi tìm đường cứu nước với tên gọi Nguyễn Tất Thành trên con tàu Amiran Latusơ Torêvin với công việc phụ bếp và trải qua nhiều công việc khác như quét tuyết ở trường học, làm công việc đốt lò ở trung tâm sưởi ấm của thành phố Luân Đôn; giúp việc nhà, làm bánh ở Mỹ; nghề in phóng ảnh, viết báo ở Pháp... để sống và hoạt động cứu nước. Sau này, với cương vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa, trong tác phẩm *Đạo đức lao động*, Người khẳng định: “Lao động là sự nghiệp quang vinh, vẻ vang, vui thú và anh dũng” (Hồ Chí Minh, 2011d, tr. 627). Về phía người cha, mặc dù lưu trú chủ yếu tại các chùa<sup>1</sup>, từ Linh Sơn (Sài Gòn) đến Hội Khánh (Bình Dương), Thiên Thai (Bà Rịa), Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), Hội Thọ (Cái Bè), Tiên Linh (Bến Tre), Long Hưng (An Giang)<sup>2</sup>... nhưng cụ Nguyễn Sinh Huy vẫn luôn hành nghề

<sup>1</sup> Cụ Nguyễn Sinh Huy đã cư ngụ tại 19 ngôi chùa (15 chùa ở Nam bộ và 4 chùa ở Campuchia) (theo Nguyễn Minh Đức, 2009, tr.19).

<sup>2</sup> Trong bài viết sử dụng các địa danh cũ trước khi sáp nhập địa giới hành chính 01/7/2025.

bốc thuốc, dạy học... để sống và giúp người. Có thể nói, lòng yêu nước, thương dân ở hai cha con cụ Nguyễn Sinh Huy gắn chặt với tình yêu lao động, vì nước, vì dân, để lại những dấu ấn tốt đẹp trong lịch sử truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam và thế giới.

## 2. Từ sự vận dụng tư tưởng Phật giáo vào hoạt động cách mạng

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy những giá trị tốt đẹp trong đạo đức của Phật giáo là đề cao lòng từ bi, vô ngã, vị tha, làm điều thiện, tránh điều ác, là mục tiêu thiêng liêng đưa lại hạnh phúc và an lạc cho chúng sinh. Trên tinh thần đó, cùng với việc chỉ rõ và khắc phục những điểm hạn chế của Phật giáo, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và Hồ Chí Minh đã thật sự góp phần gắn kết chủ nghĩa yêu nước với Phật giáo và dựa vào Phật giáo để truyền bá và phát huy chủ nghĩa yêu nước, đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi gông cùm thực dân, phong kiến ở mỗi tầng ni, phật tử, ở mỗi người dân thời đó.

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy là hiện thân của sự kết hợp giữa nhà nho yêu nước với phật tử tích cực và trí thức trẻ. Vào tháng 4/1922, cụ bí mật qua chùa Sùng Phước, Châu Hộ, Phnôm Pênh ở Campuchia gặp Hòa thượng Hồng Đại Bửu Phước, nhà Phật học uyên thâm, đệ tử của Hoàng thượng Tổ sư Như Hồng chùa Quốc Ân (Huế) mà cụ đã quen biết 8 năm trước. Tại đây, sau khoảng bốn tháng thọ giáo, cụ chính thức quy y, trở thành phật tử với pháp danh Nhật Sắc<sup>3</sup> và cụ còn đặc biệt được cấp giấy giới thiệu để tới các chùa (nơi sinh hoạt tôn giáo của bà con Việt kiều) trên đất Campuchia. Sau đó, cụ về lại Nam Kỳ, tích cực tham gia các hoạt động Phật giáo yêu nước. Những ghi chép lịch sử còn cho thấy, cụ có mối giao hảo rất tốt với các nhà sư yêu nước ở Nam Kỳ. Điển hình như Từ Văn (chùa Hội Khánh - Thủ Dầu Một), Chí Thành (chùa Phi Lai - Châu Đốc), Huệ Đăng (chùa Thiên Thai - Bà Rịa), Khánh Hoà (chùa Tiên Linh, Bến Tre), Thiện Chiếu (chùa Linh Sơn, Sài Gòn), Hấu (chùa Linh Sơn, Cao Lãnh), Thoại (chùa Hoà Long, Cao Lãnh), Viên Minh (Hoà Thạnh, Tịnh Biên, An Giang), Đạt Điền (Giồng Thành, Tân Châu, An Giang)... đều là những nhà sư tinh thông triết lý Phật giáo, là người yêu nước (trong số này có nhiều người tham gia cách mạng và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản), tích cực tham gia Phong trào Chấn hưng Phật giáo lúc bấy giờ. Trong dịp dự lễ trùng tu chùa Kim Tiên (Cai Lậy, Tiền Giang) cùng năm 1922, cụ từng tâm sự: “Tu chùa là cứu khổ, cứu nạn chúng sinh. Cái nạn lớn nhất là làm mất nước, là đem thân làm nô lệ cho ngoại bang. Chúng sinh hiện nay đang rên xiết đau khổ vì bị ngoại bang bóc lột, khinh miệt, người chân tu phải ra tay cứu cái nạn lớn đó. Giữa lúc nước mất, đồng bào bị đọa đày mà đóng cửa chùa lo tụng kinh gõ mõ là đi ngược lại tôn chỉ nhà Phật” (Nguyễn Đắc Hiền, 1994, tr. 16).

Khoảng cuối năm 1923, cụ Nguyễn Sinh Huy đến chùa Hội Khánh để gặp Phan Đình Viện, tức cụ Tú Cúc (người bạn quê Hà Tĩnh, tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, bị

<sup>3</sup> “Trong hồ sơ về Nguyễn Sinh Huy của mật thám (số A 3780 I - tác giả NTVH chú giải), có bằng chứng chỉ quy y nội dung như sau: Chúng tôi, Nguyễn... tức Hồng Đại Bửu Phước Hòa thượng trụ trì chùa Sùng Phước, Châu hộ, Phnôm Pênh sanh quán tại nước An Nam, năm Quý Hợi, môn đệ của phái Lâm Tế, học trò của Tổ sư Hòa thượng Như Hồng Quốc An, chùa Quốc An tại Huế gần ngự đài nhà vua, Cấp bản chứng chỉ này cho tín đồ Nhật Sắc (1) (Trên bản chứng chỉ có ghi chú (1) sau chữ Nhật Sắc và cuối trang ghi Nguyễn Sinh Huy tức Nguyễn Xuân Sắc - tác giả NTVH nhấn mạnh), tức Thiện Thành, được công nhận là môn đồ của phái Phật giáo Lâm tế chúng tôi. Làm ngày mùng 2 tháng 7 năm Nhâm Tuất (ngày 24/4/1922 giữa buổi trưa)” (Nguyễn Hữu Hiếu, 2019, tr. 217 - 218).

Pháp truy lùng, trốn vào Nam ở chùa Hội Khánh từ năm 1922). Cùng với Hòa thượng Từ Văn, vị trụ trì thứ sáu của Chùa Hội Khánh và những nhà yêu nước khác tại địa phương như ông Khôi, ông Nhẫn, thầy Ký Cội, Giáo thọ Quới, thầy Từ Tâm... cụ tham gia thành lập Hội Danh dự yêu nước, lấy chùa làm trụ sở. Hoạt động của Hội là truyền bá, phổ biến và chấn hưng Phật giáo thông qua các buổi thuyết pháp giảng đạo, nhưng bên trong thực chất là diễn thuyết, tuyên truyền về phong trào yêu nước, với bề ngoài là thầy đồ mở các lớp dạy chữ nho, dạy kinh dịch và lang y bắt mạch, hốt thuốc,... Cụ còn tham gia xây dựng phong trào yêu nước ở Chợ Gạo, Vĩnh Kim, Sơn Dầu (Tiền Giang), chùa Hòa Khánh, Giồng Thành và nhiều nơi khác ở Campuchia. Khi từ Quảng Châu (Trung Quốc) về nước, cụ chia sẻ với Phan Trọng Bình<sup>4</sup>, Lê Văn Lợi về Phật giáo, tại Sài Gòn khoảng năm 1926, rằng: “Muốn giải phóng dân tộc, các cháu phải theo đạo Phật”<sup>5</sup>. Khi Nguyễn An Ninh từ Pháp về nước hoạt động, cụ cũng nhiều lần bí mật gặp để bàn về mối liên hệ giữa Phật giáo với dân tộc (Thích Huệ Thông, 2020, tr.92). Đây là vấn đề mà cụ rất quan tâm. Trong số những thánh giả đi nghe Nguyễn An Ninh hay Phan Châu Trinh diễn thuyết lúc đó ở trụ sở Bắc Kỳ ái hữu, có hàng chục thanh niên đầu cạo bóng. Trong số những người bị chất vấn “ai xui thầy chùa đi biểu tình”, Thiện Chiếu ở chùa Linh Sơn đã có bài viết rằng: Thuyết từ bi cứu khổ của Phật Tổ xui phật tử chúng tôi tham gia những cuộc vận động yêu nước, thương dân chớ không ai xui cả... (Nguyễn Hữu Hiếu, 2019, tr. 216). Hoạt động này trở thành phong trào có ảnh hưởng đến phật tử và lớp tăng ni trẻ.

Nhằm tiếp tục truyền bá tinh thần yêu nước nhằm hỗ trợ cho Phong trào Chấn hưng Phật giáo, đầu năm 1927, cụ Nguyễn Sinh Huy cải trang làm cao tăng chùa Từ Đàm (Huế) để vượt chặng đường dài trên cả ngàn cây số, đến chùa Tiên Linh (Mỏ Cày, Bến Tre, năm 1930 đổi tên thành Tuyên Linh). Nhờ sự giúp đỡ của sư trụ trì Khánh Hòa, cụ cùng Trần Hữu Chương, đảng viên Đảng Tân Việt, được cử về xã Minh Đức gây dựng cơ sở cách mạng, mở lớp học cho thanh niên và những người trong hội kín của Nguyễn An Ninh ngay trong chùa.

Vào tháng 2/1928, dịp rằm tháng Giêng năm Đinh Mão, cụ Nguyễn Sinh Huy về Cao Lãnh và cùng với sư Thiện Chiếu tổ chức thuyết pháp tại chùa Hòa Long với chủ đề: “Phật hóa tân thanh niên,” được rất nhiều thanh niên trí thức tại địa phương tham dự. Trong dịp này, nhóm thanh niên yêu nước như Phạm Hữu Lầu, Lưu Kim Phong dự lớp chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc) vừa về nước, cũng đến gặp cụ và được khuyên: “Mấy cậu là niềm hy vọng của tôi, là tương lai của tổ quốc. Ngày nay nước mất, nhà tan, chúng ta phải đứng lên góp sức đập phá xiềng gông nô lệ, không nên nai lưng lòn cúi, run sợ trước cường quyền”<sup>6</sup>. Cũng thời gian này, cụ nhờ sư Điền ở chùa Giồng Thành (An Giang) hỗ trợ nhà yêu nước Nguyễn Quang Diêu. Khoảng tháng 5/1929, cụ qua huyện Prekdek (Campuchia) truyền bá tinh thần yêu nước, nhưng bị Pháp phát hiện, nên phải lưu trú tại đây chờ tình hình lắng xuống. Khoảng giữa tháng 6/1929, cụ trở về chùa Giồng Thành và cùng sư Chánh Hường

<sup>4</sup> Phan Trọng Bình, phái viên đầu tiên của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội ở Sài Gòn là con của Phan Đình Viện, một sĩ phu yêu nước ở Hà Tĩnh bị Pháp cho an trí ở Sài Gòn.

<sup>5</sup> Do ông Hà Huy Giáp kể tại Hội thảo khoa học về Nguyễn Sinh Sắc tại Đồng Tháp ngày 11-12/1/1990.

<sup>6</sup> Trích theo Hồi ký của Lưu Kim Phong, lưu trữ tại Khu Di tích Nguyễn Sinh Sắc.

bốc thuốc trị bệnh cho người dân nơi đây. Cuối tháng 6/1929, Pháp đem lính đến chùa Giồng Thành vây ráp, Hòa thượng Điền cho người dẫn cụ đi lánh nạn. Pháp bắt được Hòa thượng Điền, còn ông Ba Sành bơi xuồng đưa cụ đến Sa Đéc. Cụ về Cao Lãnh tiếp tục hoạt động cách mạng rồi bệnh và qua đời tại chùa Hoà Long, Cao Lãnh, Đồng Tháp vào ngày 27/11/1929 (Nguyễn Hữu Hiếu, 2020, tr. 152-155).

Nỗ lực của cụ Nguyễn Sinh Huy cùng những hòa thượng yêu nước đã giúp nhiều tăng ni, phật tử và thanh niên hiểu và tích cực tham gia cách mạng. Nhiều người sau này trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Vào năm 1925, Nguyễn Ái Quốc (tên gọi thời kỳ này của Hồ Chí Minh) đã cử Hồ Tùng Mậu sang Xiêm (Thái Lan) gây dựng cơ sở cách mạng; cuối năm 1926, cử Phan Trọng Bình và Lê Văn Lợi, sau khi học xong khoá huấn luyện tại Quảng Châu, Trung Quốc về Sài Gòn hoạt động. Nhiều tư liệu về thời kỳ này đã cho thấy hơn 20 địa điểm thuộc địa bàn 9 tỉnh, thành phố của Thái Lan trong các năm 1928 - 1930 là những nơi Nguyễn Ái Quốc từng ở, làm việc, gặp gỡ kiều bào, khai hội. Những hoạt động cách mạng của Người trong cộng đồng Việt kiều có nhiều ảnh hưởng tốt truyền về trong nước. Điều đáng lưu ý, hoạt động được chú trọng đầu tiên của Người trên đất Thái Lan chính là dành thời gian đi thăm hỏi các nhà sư Việt kiều trụ trì ở các chùa, tức người của phong trào Cần Vương, Duy Tân còn sót lại, như chùa Hội Khánh (chùa Mongkhol Samalkhol) nằm trên đường Pleng Nam (Băng Cốc); chùa ông Năm (chùa Somsanam (Borihara) ở phố Lan Luông (Băng Cốc); chùa ông Ba hay chùa Tư Tế Tự (chùa Vất Locanukhro) ở phố Rajawong (Băng Cốc); chùa Oátphô (ở thị xã Udon Thani), chùa Bản Chính (Udon Thani); chùa Xichômchun (Noongkhai),... Trong số đó, chùa Tư Tế được coi là nơi Người đặt chân đến đầu tiên khi hoạt động cách mạng ở Thái Lan những năm 1928 - 1929. Tư Tế Tự là nơi mà hơn nửa thế kỷ trước, Hòa thượng Bình Lương, còn gọi là sư Ba, đã trụ trì. Năm 1928, khi hay tin Nguyễn Ái Quốc sang Thái Lan hoạt động, Hòa thượng Bình Lương tìm cách liên lạc và Tư Tế Tự được chọn là nơi hội họp, trao đổi thư từ, tài liệu hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc với những người Việt Nam yêu nước tại Thái Lan. Hòa thượng Bình Lương<sup>7</sup> được Người giao nhiệm vụ tổ chức tập hợp bà con kiều bào ở Thái Lan và đỡ đầu tờ báo Nhân Ái nhằm kêu gọi đoàn kết Việt kiều yêu nước chống Pháp. Chính tại ngôi chùa Tư Tế này, khoảng từ tháng 7/1929, Nguyễn Ái Quốc có 4 tháng xuống tóc, khoác áo cà sa, ăn chay, mỗi sớm Người cùng các sư trong vùng đi khát thực. Điều này cũng tương thích với tác giả Trần Dân Tiên trong quyển *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*: “Khi nguy hiểm đã quá rõ ràng, biết mình bị theo dõi gắt gao, ông

<sup>7</sup> Tháng 3/1964, Hòa thượng Bình Lương bị bệnh nặng, có nguyện vọng của hòa thượng được về nước sống những ngày cuối đời và gặp lại Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau khi về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần vào Bệnh viện Việt - Xô thăm nhà sư. Hiện Bảo tàng Hồ Chí Minh còn lưu giữ bức thư Hòa thượng Bình Lương tỏ ý tiếc khi Người vào thăm, hòa thượng mê man không nói chuyện với Người được. Ngày 20/4/1966, Hòa thượng Bình Lương viên tịch, hưởng thọ 84 tuổi. Tang lễ Hòa thượng được tổ chức trọng thể tại chùa Quán Sứ (Hà Nội). Thủ tướng Phạm Văn Đồng thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh đến đặt vòng hoa kính viếng Hòa thượng. Vòng hoa ghi dòng chữ: “Kính viếng Hòa thượng Bình Lương tức Phạm Ngọc Đạt, nhà tu hành yêu nước - đồng chí Hồ Chí Minh”.

Nguyễn lãnh vào một ngôi chùa quen, tạm xuống tóc đi tu” (Trần Dân Tiên, 2023, tr. 117). Chùa Tư Tế thật sự đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan, đồng thời là nơi nuôi giấu, che chở cho hoạt động của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và một số nhà lãnh đạo cách mạng khác như: Ung Văn Khiêm, Hoàng Quốc Việt... khi hoạt động bí mật trên đất Thái Lan.

Chuẩn bị cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, ngày 19/5/1941, Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam Độc lập Đồng minh (Mặt trận Việt Minh) với hạt nhân là các hội cứu quốc, như: Phật giáo Cứu quốc, Công nhân Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Phụ lão Cứu quốc, Nhi đồng Cứu quốc... để thành mặt trận toàn dân kháng chiến chống kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam lúc đó là thực dân Pháp và phát xít Nhật. Người nhấn mạnh: “Việt Nam Độc lập Đồng minh, không phải là một đảng mà là một mặt trận toàn dân, bao gồm các đảng phái (Đảng Dân chủ, Phái Xã hội), các phần tử Quốc dân Đảng, Đảng Cộng sản (đã tự động giải tán) và cả các đoàn thể yêu nước không đảng phái như: Hội Thanh niên Cứu quốc, Hội Phật giáo Cứu quốc, Hội Cơ đốc giáo Cứu quốc...” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr. 137). Như vậy, Hội Phật giáo Cứu quốc ngay từ đầu đã là một thành viên quan trọng của Mặt trận Việt Minh và có khả năng tăng cường đoàn kết với các tổ chức tôn giáo khác để sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc đi đến thành công.

Với nhãn quan chính trị nhạy bén, sự mẫn cảm kiệt xuất cùng thực tiễn cách mạng phong phú, Hồ Chí Minh đã nhận thấy Phật giáo là một điểm tựa quan trọng để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho con người Việt Nam. Hồ Chí Minh đã thức tỉnh tinh thần đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn của đức Phật trong tình cảm yêu nước của đồng bào phật tử và kêu gọi họ đoàn kết cùng nhân dân đấu tranh bảo vệ nền độc lập, hoà bình của đất nước. Người khẳng định: “... Phật giáo Việt Nam với dân tộc như bóng với hình, tuy hai mà một. Tôi mong các Hòa thượng, Tăng, ni và Phật tử hãy tích cực thực hiện tinh thần từ bi, vô ngã, vị tha, trong sự nghiệp cứu nước, giữ nước và giữ đạo, để cùng toàn dân sống trong Độc lập, Tự do, Hạnh phúc” (Nhiều tác giả, 2012, tr. 143).

### **3. Đến góp phần chấn hưng và phát triển Phật giáo**

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ vận dụng Phật giáo để truyền bá, phát huy tinh thần yêu nước, cách mạng ở mỗi người dân, mà còn thông qua đó, góp phần tích cực vào quá trình chấn hưng và phát triển của Phật giáo Việt Nam.

Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, nhiều giá trị truyền thống văn hoá của dân tộc, trong đó gồm cả Phật giáo dần bị mai một và suy giảm vai trò trong đời sống xã hội. Cùng với ảnh hưởng của phong trào Duy Tân và làn sóng chấn hưng Phật giáo ở Trung Quốc, Tạp chí *Hải triều âm* đã trực tiếp tác động thúc đẩy những người trong giới Phật học và những người quan tâm đến tiền đề đạo Phật ở Việt Nam ý thức chấn hưng, bảo vệ đạo Pháp.

Ra đời năm 1930 tại Nam Kỳ, *Hải triều âm* là cơ quan ngôn luận quan trọng của phong trào chấn hưng Phật giáo, tập trung phê phán mê tín dị đoan, kêu gọi chư tăng trở về tinh thần

Giới - Định - Tuệ, khuyến khích dịch thuật kinh điển, mở trường đào tạo tăng tài và cải cách sinh hoạt Phật giáo. Nhờ vậy, *Hải triều âm* đặt nền tảng lý luận và thực tiễn để phong trào chấn hưng phát triển sâu rộng gắn với việc giữ gìn văn hóa dân tộc và khơi dậy tinh thần yêu nước (Nguyễn Lang, 2012). Nhiều bài viết đề cao lý tưởng nhập thế, cứu khổ cứu nạn, cổ vũ tăng ni, phật tử tham gia các hoạt động xã hội, gắn đạo với đời. Do đó, *Hải triều âm* không chỉ là diễn đàn chấn hưng Phật giáo mà còn góp phần nuôi dưỡng ý thức dân tộc, chuẩn bị tư tưởng cho phong trào cách mạng (Nguyễn Hữu Hiếu, 2019).

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy đã nhận thấy, tuy chùa chiền rất đông tín đồ nhưng Phật giáo bước vào thời điểm suy yếu: “Thầy chùa không hiểu đạo Phật, khinh thường giới luật, có kẻ mượn Phật làm danh, cũng ngày đêm hai buổi công phu, sóc vọng, cũng sám hối như ai, nhưng lại thủ dị câu kỳ, học thêm bùa ngải, luyện roi thần, làm bạn với thiên linh cái, đồng nhi, khi ông lên bà xuống, ngáp vắn, ngáp dài, thư phù niệm chú, gọi là cứu nhân độ thế, nhưng thật ra lợi dụng lòng mê muội của thiện nam tín nữ, mở rộng túi tham, quơ vét cho sạch sành sanh”<sup>8</sup>. Cụ cho rằng cần chấn hưng Phật giáo không chỉ thuần túy là một phong trào tôn giáo, mà còn bảo vệ văn hoá dân tộc, một hoạt động yêu nước. Cần tuyên truyền những điều này, trước nhất phải thành lập các tổ chức. Theo Tạp chí Duy tâm Phật học (1935) có ghi lại: “Cụ Sắc đã gợi ý sáng tỏ cho cụ Khánh Hòa là phải tổ chức, có tổ chức mới có cơ sở để làm việc, để tạo thế mạnh và hoàng đạo, phải tổ chức thành hội Phật giáo. Bấy lâu cụ Khánh Hòa có ý đó, giờ đây được cụ Sắc làm sáng tỏ hẳn lên và Cụ Sắc trở thành một lý thuyết gia của cụ Khánh Hòa”. Vì vậy, “... ở Việt Nam phong trào bắt đầu bằng sự vận động của Thiền sư Khánh Hòa ở chùa Tiên Linh (Bến Tre) và các thân tín của Thiền sư. Năm 1923, nhân ngày giỗ tại chùa Long Hoa, quận Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, vào ngày 19 tháng 9 âm lịch (Quý Hợi), Hòa thượng Khánh Hòa vận động mời tất cả những vị tôn túc khắp miền Tiền Giang và Hậu Giang về Tiểu Cần để dự lễ, đồng thời để họp bàn về vấn đề chấn hưng Phật giáo. Kết quả là “Hội Lục hoà Liên hiệp” được thành lập, tất cả những vị tôn túc có mặt trong buổi họp như Huệ Quang, Chí Thiên, Trí Thiên, Từ Phong, Chánh Quả, An Lạc, Huệ Định, Diệu Pháp... đều đồng ý tham dự (tức tham gia vào Hội Lục hoà Liên hiệp)” (Nguyễn Lang, 2012, tr. 630). Ngoài ra, các tư liệu cho thấy, cụ Nguyễn Sinh Huy còn có mối liên hệ với “Hội Lục hoà liên xã” đặt trụ sở trung tâm tại chùa Giác Hải (Chợ Lớn), do Hòa thượng Từ Văn trụ trì Tổ đình Hội Khánh là Hội trưởng.

Với mục đích hô hào đoàn kết để tiến tới thành lập ban vận động, các hội yêu nước Phật giáo đi tuyên truyền, khơi dậy tinh thần yêu nước, định hướng tâm hạnh cho hàng tăng ni, phật tử trước yêu cầu cấp bách của toàn dân tộc là giải phóng đất nước thoát khỏi ách làm than nô lệ. Cũng thời gian này, trên tờ *Đông Pháp thời báo*, do Trần Huy Liệu làm chủ bút, xuất hiện hàng loạt các số về đạo Phật. Bắt đầu từ số báo 59 (ngày 5/10/1923) đăng hàng loạt bài “Khảo lược về cách tu trong Phật giáo”, người viết ký tên là Viên Hoành. Từ số 70 (ngày 5/11/1923), sau 10 bài của Viên Hoành, lại xuất hiện loạt bài “Phật giáo khảo lược”, ký tên ĐPTB (*Đông Pháp thời báo*). Từ số 100 trở đi có hàng loạt bài “Ảnh hưởng của Phật

<sup>8</sup> Theo tư liệu của cư sĩ Khánh Vân - Duy Tân, số 18.

giáo khảo lược”, người viết ký tên là T.V. Cũng trong thời điểm này, một báo cáo của mật thám Pháp ở Phan Thiết, ngày 10/11/1923, gửi mật thám Trung kỳ, có đoạn viết: “... Nguyễn Sinh Sắc mang theo một cái túi dết to chứa nhiều giấy tờ, có khi viết suốt đêm và không tỏ vẻ gì sợ hãi”. Những bài báo trên kéo dài đến hết năm 1924, đã tạo nên một phong trào tuy không rầm rộ về mặt hình thức nhưng có ảnh hưởng sâu rộng về mặt chính trị và tư tưởng (Nguyễn Hữu Hiếu, 2019, tr. 214).

Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy còn thường xuyên lui tới các chùa ở Nam Kỳ để vận động phong trào yêu nước thông qua việc đàm luận Phật giáo với các chư vị tăng ni hay tham gia chú giải kinh Phật<sup>9</sup> và nghiên cứu chuyên sâu về Tam tạng. Đặc biệt, những vấn đề nhập thế của đạo Phật rất thiết thực, được cụ lồng ghép trong những câu đối liên tặng Hòa thượng Khánh Hòa, tặng chùa Tiên Linh hay chùa Kim Tiên (Cai Lậy - Tiền Giang), chùa Linh Sơn (Sài Gòn),... Tình cảm và sự quan tâm đặc biệt của cụ đối với Phật giáo ngày càng được khẳng định khi cụ viết thư về Nghệ Tĩnh để khuyên bà con và họ hàng theo đạo Phật. Trong thư cụ viết: “Vinh, ngày 8/9/1927. Nguyễn Sinh Huy báo tin cho bà con họ hàng biết là ông đang ở tại số 225 nhà Tiến Phúc Đồng phố Thiết Bình (ESP.AGNE) khuyên bà con nên theo đạo Phật” (Nguyễn Hữu Hiếu, 2019, tr. 94). Cụ Nguyễn Sinh Huy là điển hình của những trí thức quan tâm, chân hưng Phật giáo theo tinh thần yêu nước. Công cuộc chân hưng Phật giáo đã có những bước phát triển mạnh mẽ giai đoạn 1930 - 1945<sup>10</sup>, và trở thành một mốc quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu quan tâm đối với Phật giáo ngay từ những năm 1927, khi Người sống và hoạt động tại Thái Lan. Thượng tọa chùa Oát - phò ở tỉnh Udon - Thani cho biết: “Hồi ấy, chùa xây điện thờ chính, việc chỉ đạo xây điện do ông Nguyễn đảm nhiệm, ông Nguyễn kêu gọi bà con Việt kiều góp của, góp công, mua sắm nguyên vật liệu cho chùa rất nhiều...” (Hội thảo quốc tế *Chủ tịch Hồ Chí Minh*, 1990, tr.166). Khi trở về nước lãnh đạo cách mạng, Người vẫn luôn sắp xếp thời gian (nhất là những giờ phút quan trọng của cách mạng) thân hành đến các di tích chùa chiền, đình, đền, miếu mạo nổi tiếng như chùa Hương, chùa Một Cột, chùa Quán Sứ, chùa Thầy, chùa Trầm, chùa Côn Sơn, đền Ngọc Sơn, đền Hùng, Kiếp Bạc, Cổ Loa... để thắp hương tưởng niệm đến đức Phật, các bậc thần linh, anh

<sup>9</sup> Di tích Nguyễn Sinh Huy ở Đồng Tháp có trưng bày một cuốn kinh có lời chú giải của cụ.

<sup>10</sup> Năm 1931 “Hội Nam kỳ Nghiên Cứu Phật Học” đặt trụ sở tại chùa Linh Sơn (149 đường Cô Giang Sài Gòn). Hội ra tạp chí “Tứ Bi Âm” (năm 1932) để truyền bá giáo lý, thỉnh Tam Tạng Kinh từ Trung Hoa về tàng trữ ở Pháp Bảo Đường của chùa Linh Sơn. Năm 1933, “Liên Đoàn Học Xã” được thành lập ở Nam kỳ để đào tạo tăng tài và hoằng dương Phật pháp. Các chùa luân phiên mở Phật học đường ba tháng, mỗi chùa phải lo nuôi ăn ở cho tăng sinh ba tháng và lo thỉnh Pháp sư giảng dạy. Nhưng Liên Đoàn Học Xã chỉ hoạt động một thời gian ngắn thì gặp nhiều khó khăn, phải tan rã. Năm 1934, “Hội Lương Xuyên Phật Học” được thành lập. Hội này mở “Phật Học Đường Lương Xuyên” ở Trà Vinh để đào tạo Tăng Ni (năm 1935, trường ni dời về chùa Vĩnh Bửu ở Thôn-Bến Tre). Phật Học Đường Lương Xuyên đào tạo được một số tăng sĩ nổi danh sau này...”. Hội xuất bản sách Phật học giáo khoa bằng hai thứ tiếng Việt và Hán và ra báo Duy Tâm làm cơ quan ngôn luận. Tờ báo này lên tiếng kêu gọi thành lập một Phật giáo tổng hội. Năm 1936, Thiện Chiếu về Rạch Giá, ở lại chùa Tam Bảo cùng với Trí Thiên vận động thành lập Hội Phật học Kiên Tế. Hội chính thức hoạt động từ ngày 23/3/1937. Chính Hòa thượng Trí Thiên làm Chánh tổng lý của Hội. Tạp chí Tiến hoá (01/1/1938) do Đỗ Triết Kiệu làm chủ nhiệm và Phan Thanh Hà chủ bút. Năm 1943, Hòa thượng Khánh Hoà về Bến Tre, ở chùa Vĩnh Bửu tổ chức Phật học đường đầu tiên dành riêng cho ni giới tại Nam Kỳ.

hùng chiến sĩ và cùng với các nhà sư và “ra sức cầu Phật cho kháng chiến chóng thành công” (Vũ Kỳ, 2005, tr. 330) và đất nước mạnh giàu, nhân dân an lạc.

Theo Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại: “Đầu tháng 12 (năm 1940),... Ngày tết đến với chúng tôi tại biên giới,... Gần làng có miếu thờ Thành hoàng, nhân dân ai cũng đến lễ bái. Bác cũng đi cùng bà con đến viếng đền” (Võ Nguyên Giáp, 1977, tr. 41). Đồng chí Vũ Anh, một cán bộ cách mạng cao cấp thời bấy giờ cũng chia sẻ: “Tháng 1/1941, Bác, anh Kiên và tôi về địa điểm Pác Bó... ngày tết quần chúng trong làng lên chúc tết đủ mặt. Các chị phụ nữ mỗi người mang một cái làn đựng thẻ hương và quà bánh, kéo từng đoàn đến lễ tết. Bác vẽ một ảnh Phật treo trên vách đá cho quần chúng có chỗ lễ...” (Nhiều tác giả, 2001, tr. 209).

Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày 03/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó Người đề nghị Chính phủ tuyên bố: “Tín ngưỡng tự do và *luong giáo* đoàn kết”. Với tinh thần đó, Người đã sớm ký Sắc lệnh khẩn cấp số 65 (23/11/1945) với nội dung: “Bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi Việt Nam, cấm phá hủy đình, chùa, đền, miếu, các cổ vật... có ích cho lịch sử” (Cục Văn thư và lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, 2017, tr. 120). Hiến pháp đầu tiên (thông qua ngày 2/3/1946) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do Người là Trưởng ban Ban Soạn thảo, ghi rõ: mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng. Điều 5, Sắc lệnh số 234/SL ngày 14/6/1955 thừa nhận các tổ chức tôn giáo có quyền mở trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo,... Tháng 3/1958, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Chính phủ đã đồng ý và tạo điều kiện cho tăng ni, phật tử thống nhất 4 tổ chức Phật giáo ở miền Bắc lúc bấy giờ thành Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam.

Khi đất nước bị chia cắt làm hai miền, chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện chính sách chia rẽ tôn giáo, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước. Trong thư gửi các vị tăng ni và đồng bào tín đồ Phật giáo nhân dịp lễ Đức Phật Thích Ca thành đạo, ngày 8/1/1957 (8/12 âm lịch), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “... tôi thân ái gửi đến các vị tăng ni và đồng bào tín đồ lời chào đại hòa hợp,... Trong dịp này tôi mong các vị tăng ni và đồng bào tín đồ đã đoàn kết thì càng đoàn kết hơn để góp phần xây dựng hòa bình chóng thắng lợi. Hãy ra sức giúp đỡ cán bộ hăng hái thực hiện mọi công tác của Chính phủ, chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, ngăn chặn âm mưu Mỹ - Diệm và bọn tay sai lợi dụng tôn giáo hòng chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, hãy ra sức đấu tranh giành thống nhất đất nước” (Hồ Chí Minh, 2011d, tr. 472-473). Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh cũng đánh giá cao những đóng góp, hy sinh của tăng ni, tín đồ Phật giáo trong hai cuộc kháng chiến cứu nước đã sẵn lòng nồng nàn yêu nước, hăng hái làm tròn nghĩa vụ của người công dân và xứng đáng là phật tử. Để phản đối việc chính quyền Ngô Đình Diệm cấm treo cờ Phật giáo thế giới vào dịp lễ Phật đản năm 1963, ngày 11/6/1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại Sài Gòn với hạnh nguyện: “Khói thơm cảnh tỉnh bao người ác; Tro trắng phẳng san hố bất bình”. Trước sự hy sinh phi thường và dũng cảm của Hòa thượng Thích Quảng Đức, Hồ Chí Minh hết sức cảm động và có câu đối kính viếng Hòa thượng: “Vị pháp thiêu thân vạn cổ hùng huy thiên nhật nguyệt; Lưu danh bất

tử bách niên chính khí địa sơn hà” (Nhiều tác giả, 2012, tr. 14). Trong thư gửi Đại hội lần thứ ba, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, ngày 28/9/1964, Người đã viết: “Các vị tăng ni, tín đồ Phật giáo trước đây có công với kháng chiến, nay thì đang góp sức cùng toàn dân xây dựng miền Bắc giàu mạnh và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà... Chúc toàn thể tăng, ni và đồng bào Phật giáo góp phần xứng đáng trong sự nghiệp xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” (Hồ Chí Minh, 2011f, tr. 383).

## KẾT LUẬN

Rõ ràng cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ thừa hưởng, tiếp thu, mà còn vận dụng tất cả những gì tốt đẹp nhất, tích cực nhất trong truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam, trong đó có nhiều yếu tố Phật giáo. Đặc biệt, cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vốn là một nhà nghiên cứu Phật học thâm sâu, một trí thức yêu nước rất thân cận với chư Tôn túc Phật giáo (Nhiều tác giả, 2012, tr. 6, 130).

Sự gặp gỡ giữa tư tưởng của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với Phật giáo cho thấy mối liên hệ sâu sắc giữa truyền thống văn hóa dân tộc, tinh thần nhân văn của Phật giáo và dòng chảy tư tưởng yêu nước trong lịch sử Việt Nam cận - hiện đại. Tuy sống và hoạt động trong những điều kiện lịch sử khác nhau, cả hai đều tiếp cận và vận dụng các giá trị Phật giáo theo hướng gắn bó với đời sống xã hội, đề cao lòng nhân ái, tinh thần nhập thế và trách nhiệm đối với cộng đồng. Những giá trị đó không chỉ góp phần hình thành nên nhân cách văn hóa của mỗi người, mà còn trở thành nguồn động lực tinh thần quan trọng cho các hoạt động phụng sự đất nước và nhân dân. Từ việc khảo sát các tư liệu lịch sử và các công trình nghiên cứu liên quan, có thể nhận thấy Phật giáo đã có những ảnh hưởng nhất định đối với quá trình hình thành tư tưởng, lối sống và phương thức hành động của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy cũng như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Việc nhận diện những điểm tương đồng trong cách tiếp cận và vận dụng các giá trị Phật giáo của hai cha con không chỉ góp phần làm sáng tỏ vai trò của các giá trị văn hóa - tôn giáo trong việc bồi dưỡng nhân cách và hun đúc tinh thần yêu nước, mà còn gợi mở thêm những cách nhìn về ý nghĩa của các giá trị đó đối với đời sống xã hội và sự phát triển của đất nước trong bối cảnh hiện nay./.

## Tài liệu tham khảo

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bến Tre. (2020). *Hoạt động và ảnh hưởng của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ở Bến Tre*. Nxb. Công an nhân dân.
2. Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III. (2017). Tập sách lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1945-1946. Trong *Bảo vật quốc gia*. Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật.
3. Hồ Chí Minh. (2011a). *Toàn tập* - tập 2. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
4. Hồ Chí Minh. (2011b). *Toàn tập* - tập 4. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
5. Hồ Chí Minh. (2011c). *Toàn tập* - tập 7. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

6. Hồ Chí Minh. (2011d). *Toàn tập* - tập 10. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
7. Hồ Chí Minh. (2011e). *Toàn tập* - tập 11. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
8. Hồ Chí Minh. (2011f). *Toàn tập* - tập 14. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
9. Huỳnh Ngọc Đáng, Thích Huệ Thông. (Đông Chủ biên, 2015). *Kỷ yếu Hội thảo: Thân thế và sự nghiệp Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*. Nxb. Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Huỳnh Ngọc Đáng. (n.d). *Hội Lục hoà liên xã trong dòng chảy lịch sử Giáo hội Phật giáo cổ truyền Việt Nam*. <https://chuaxaloi.vn/thong-tin/hoi-luc-hoa-lien-xa-trong-dong-chay-lich-su/3168.html>
11. Nguyễn Đắc Hiền. (Chủ biên, 1994). *Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*. Khu di tích Nguyễn Sinh Sắc.
12. Nguyễn Hữu Hiếu. (2020). *Những ngôi chùa ở An Giang trên bước đường hoạt động yêu nước của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc*. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre.
13. Nguyễn Hữu Hiếu. (2019). *Nguyễn Sinh Huy - Chân dung một nhà Nho*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Nguyễn Lang. (2012). *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Nxb. Phương Đông.
15. Nguyễn Minh Đức (2009). Đi tìm dấu chân cổ nhân. *Tạp chí Sử học Bình Dương*. Hội Khoa học Lịch sử Bình Dương, Số 16 (12/2009), tr. 19.
16. Nhiều tác giả. (2001). *Bác Hồ hồi ký*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
17. Nhiều tác giả (2012). *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Phí Thành Phát. (2020). *Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc với phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ*. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre.
19. Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh. (2001). *Biên niên sử Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Thích Huệ Thông. (2020). *Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trong phong trào chấn hưng Phật giáo*. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Bến Tre.
21. Thích Minh Châu. (Dịch, 1991). *Kinh Tương Ưng 1. Thiên Có Kệ*. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
22. Trần Dân Tiên. (2023). *Truyện về Hồ Chí Minh*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
23. UNESCO và Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. (1990). *Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 1890 - 1990. Hội thảo Quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh*. Nxb. Khoa học xã hội.
24. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. (1998). *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng*. Nxb. Khoa học xã hội.
25. Võ Nguyên Giáp. (1977). *Những chặng đường lịch sử*. Nxb. Văn học.
26. Vũ Kỳ. (2005). *Càng nhớ Bác Hồ*. Nxb. Chính trị quốc gia.